

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 11/2025/DSST.

Ngày 06/06/2025.

“V/v: *Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lam Điền và ông Y Đung Knul.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Phan Như Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 06 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST- DS ngày 05/05/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025 ngày 21/05/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Lục Thị B, sinh năm 1957.*

Địa chỉ: Tổ A, thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1976.*

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đặng Ngọc L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lục Thị B trình bày:

Vợ chồng bà Hoàng Thị L và ông Đặng Ngọc L vay bà số cà phê và tiền mặt như sau:

Ngày 27/10/2021 (âm lịch), tức ngày 01/12/2021 (dương lịch) vay số cà phê là 7,6 tấn cà phê nhân xô, hạn trả vào ngày 30/11/2021.

Ngày 02/9/2022 vay số tiền 340.000.000đ (*ba trăm bốn mươi triệu đồng*), đã trả được 240.000.000đ (*hai trăm bốn mươi triệu đồng*), còn lại 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), hạn trả trong 02 tháng, hai bên thỏa thuận 1,6%/ tháng (thời hạn trả lãi tính từ ngày 02/9/2022), tuy nhiên 02 khoản vay trên đến hạn bà L không trả nợ cho bà.

Đối với số nợ cà phê nhân xô 7,6 tấn, do bà và bà Hoàng Thị L có thỏa thuận lại thời hạn trả nợ đến năm 2026, do chưa đến hạn trả nợ nay bà xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số cà phê này để khởi kiện lại sau.

Đối với số tiền mặt: Số nợ gốc còn lại 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), cộng tiền lãi 1,6% từ ngày 02/9/2022 đến ngày 11/02/2025 là 29,5 tháng = 47.200.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng hai khoản gốc lãi là 147,200.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đặng Ngọc L và bà Hoàng Thị L trả cho bà số nợ gốc, nợ lãi nêu trên.

+ Bị đơn bà Hoàng Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc L trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông L đều vắng mặt, bà Hoàng Thị L chỉ đến một lần duy nhất vào ngày 13/03/2025, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 13/03/2025 bà Hoàng Thị L thừa nhận như sau:

Bà thừa nhận vào ngày 27/10/2021, bà có vay của bà Lục Thị B 7,6 tấn cà phê nhân xô, sau đó vì giá cà phê có biến động nên vào ngày 11/11/2024 giữa bà và bà Lục Thị B có thỏa thuận lại số nợ cà phê và thời hạn trả nợ, hai bên có lập lại 01 giấy mượn cà phê đề ngày 11/11/2024 như sau: Ngày 11/11/2024 bà còn nợ bà B 7 tấn cà phê nhân xô, hạn trả vào năm 2026. Ngoài ra vào ngày 02/9/2022 bà còn nợ bà Lục Thị B 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Toàn bộ số nợ này bà vay để về đảo hạn Ngân hàng và bà có ý kiến về trả nợ như sau:

- Số nợ 07 tấn cà phê nhân xô bà sẽ trả cho bà Lục Thị B vào năm 2026, theo như thỏa thuận thì bà B chưa thể khởi kiện bà vì chưa đến thời hạn trả nợ.

- Số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vay ngày 02/9/2022 bà sẽ trả cho bà B theo đơn khởi kiện, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên bà xin trả cho bà B vào các thời điểm như sau: Cuối năm 2025 trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), cuối năm 2026 trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), riêng về tiền lãi bà đã trả cho bà B được 02 tháng, số tiền cụ thể bà và bà B sẽ tính toán lại, số tiền lãi còn lại bà chấp nhận trả cho bà B mỗi tháng mức lãi 1,6%, trên số tiền vay.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung:*

Ngày 27/10/2021 (Âm lịch) bà B cho bà L mượn 7 tấn 6 tạ cà phê nhân khô và hẹn đến ngày 30/11/2021 trả. Đến ngày 02/9/2022, bà B tiếp tục cho bà L vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận 1,6%/tháng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng bà L chưa thanh toán số tiền đã vay và lãi suất cho bà (Tiền gốc: 100.000.000 đồng; lãi suất tính đến ngày 11/02/2025: 47.200.000 đồng. Tổng số tiền: 147.200.000 đồng).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/3/2025 của bà Hoàng Thị L thể hiện: Số nợ cà phê 7 tấn tôi sẽ trả cho bà B vào năm 2026 theo như thỏa thuận nên bà B chưa thể khởi

kiện vì chưa đến hạn trả nợ. Đối với số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), vay ngày 02/9/2022 bà sẽ trả cho bà B theo đơn khởi kiện, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên bà xin trả cho bà B vào cuối năm 2025 là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*), cuối năm 2026 là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi mỗi tháng 1,6% trên số tiền vay.

Ngày 01/4/2025 bà B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 7 tấn 6 tạ cà phê nhân khô. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 468 BLDS 2015 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với yêu cầu buộc bà Hoàng Thị L phải trả 7 tấn 6 tạ cà phê nhân khô.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B buộc bà L thanh toán số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) tiền gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử xong vụ án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà Hoàng Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc L vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, xét thấy việc vắng mặt của bà L, ông L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 27/10/2021(âm lịch) tức ngày 01/12/2021 (dương lịch) bà Hoàng Thị L vay của bà Lục Thị B 7,6 tấn cà phê nhân xô, hạn trả vào ngày 30/11/2021; đến ngày 02/9/2022 bà Hoàng Thị L tiếp tục vay của bà Lục Thị B số tiền 340.000.000đ (*ba trăm bốn mươi triệu đồng*) đã trả được 240.000.000đ (*hai trăm bốn mươi triệu đồng*), còn lại 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), hạn trả trong vòng 02 tháng. Tuy nhiên, cả hai khoản vay nêu trên đến hạn bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Hoàng Thị L, ông Đặng Ngọc L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ngày 01/4/2025, bà Lục Thị B đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 7,6 tấn cà phê nhân xô do chưa đến hạn trả nợ, do đó Hội đồng xét xử cần đình chỉ đối với khoản nợ này. Đối với khoản nợ còn lại 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) theo như các đương sự thừa nhận là đúng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa bà Lục Thị B và bà Hoàng Thị L là giao dịch tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, các bên đều có năng lực hành vi đầy đủ, hợp đồng vay tiền phù hợp quy

định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 385, Điều 401 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, do đó hợp đồng vay giữa hai bên có hiệu lực nên việc bà Lục Thị B khởi kiện là có cơ sở, cần chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lục Thị B để buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Hoàng Thị L hiện còn nợ của bà Lục Thị B số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), khoản nợ này trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã xác định bà Hoàng Thị L vay của bà Lục Thị B trong thời kỳ hôn nhân, khi vay tiền có cả chữ ký của hai vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử xác định số tiền bà Hoàng Thị L vay của bà Lục Thị B là nhằm mục đích thiết yếu cho gia đình nên cần áp dụng quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Đặng Ngọc L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lục Thị B số tiền nợ gốc nêu trên và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Bà Hoàng Thị L khai đã trả nợ lãi cho bà Lục Thị B được 02 tháng, tuy nhiên bà L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nguyên đơn bà Lục Thị B không thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bà L. Xét yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 02/9/2022 đến ngày 11/02/2025 là hợp lý cần chấp nhận, khi vay hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi. Tuy nhiên, do các bên không xác định cụ thể về mức lãi và có tranh chấp, tại phiên tòa bà Lục Thị B đồng ý và chấp nhận tính mức lãi là 0,83%/tháng trên số nợ gốc nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng mức lãi là 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp, thời hạn tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn kể từ ngày 02/9/2022 đến ngày 11/02/2025 là 29,5 tháng, cụ thể: $100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 29,5 tháng = 24.485.000đ$ (*hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Như vậy, vợ chồng vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Đặng Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho bà Lục Thị B số tiền nợ gốc, nợ lãi là 124.485.000đ (*một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 186, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 105, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lục Thị B.

2/ Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Đặng Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho bà Lục Thị B số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 24.485.000đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Đặng Ngọc L phải trả cho bà Lục Thị B là: 124.485.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

3/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc yêu cầu bị đơn phải trả 7,6 tấn cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về án phí: Vợ chồng bà Hoàng Thị L, ông Đặng Ngọc L phải chịu 6.224.250đ (sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lục Thị B được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Bùi Xuân Sơn

